

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải số 24/2004/QĐ-BGTVT ngày 05/11/2004 ban hành Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI**

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (giám đốc) các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Đào Đình Bình

QUY CHẾ Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải

(ban hành kèm theo Quyết định số 24/2004/QĐ-BGTVT ngày 05/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 271/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 153/2004/NĐ-CP ngày 09/8/2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con;

Căn cứ Thông tư số 42/2004/TT-BTC ngày 20/5/2004 của Bộ Tài chính về hướng dẫn giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

*Chương I***QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải theo quy định tại Quyết định số 271/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 42/2004/TT-BTC ngày 20/5/2004 của Bộ Tài chính được áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) thuộc Bộ Giao thông vận tải, cụ thể như sau:

- a) Công ty nhà nước (bao gồm công ty nhà nước độc lập, tổng công ty nhà nước);
- b) Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước (bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước có hai thành viên trở lên);
- c) Công ty cổ phần nhà nước;
- d) Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2. Quy chế này không áp dụng đối với các doanh nghiệp không thuộc Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Nội dung giám sát của chủ sở hữu và hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

1. Nội dung giám sát của chủ sở hữu theo quy định tại Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo

Quyết định số 271/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ gồm:

- a) Việc tổ chức hoạt động kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp;
- b) Việc thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm và dài hạn của doanh nghiệp;
- c) Việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, Điều lệ của doanh nghiệp. Đánh giá hiệu quả các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu liên quan đến quyền chủ sở hữu đối với hoạt động của doanh nghiệp;
- d) Kết quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn và khả năng thanh toán nợ đối với doanh nghiệp.

2. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp theo quy định tại Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 271/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ gồm:

- a) Doanh thu và thu nhập khác. Đối với những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm của nền kinh tế gồm: điện, than, dầu khí, xi măng thì áp dụng chỉ tiêu sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ.
- b) Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn nhà nước.
- c) Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

d) Tình hình chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật về: thuế và các khoản thu nộp ngân sách, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

đ) Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 3. Hình thức giám sát của Bộ Giao thông vận tải với tư cách là chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

1. Công tác giám sát của Bộ Giao thông vận tải với tư cách là chủ sở hữu và là cơ quan quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải được thực hiện chủ yếu theo hình thức giám sát gián tiếp, bằng cách thực hiện theo dõi và kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính, thống kê và báo cáo khác theo quy định của pháp luật và của Bộ Giao thông vận tải mà các doanh nghiệp nộp cho Bộ Giao thông vận tải.

2. Trường hợp cần thiết Bộ Giao thông vận tải sẽ sử dụng hình thức giám sát trực tiếp, bằng cách tổ chức các đoàn kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra, nắm bắt tình hình trực tiếp tại doanh nghiệp.

Bộ Giao thông vận tải giao cho các Vụ tham mưu, Thanh tra Bộ và các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện giám sát doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

3. Bộ Giao thông vận tải có thể sử dụng các công ty tư vấn như công ty tư vấn tài

chính kế toán, thuế, công ty kiểm toán độc lập, công ty đánh giá tài sản,... để thực hiện việc giám sát và đánh giá doanh nghiệp. Khi Bộ Giao thông vận tải quyết định sử dụng công ty tư vấn thực hiện công việc giám sát và đánh giá doanh nghiệp thì Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp phải thực hiện ký hợp đồng và trả kinh phí cho công ty tư vấn theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc các doanh nghiệp trong quản lý sản xuất kinh doanh

1. Doanh nghiệp và người lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện quản lý và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước, các luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Hội đồng quản trị của công ty nhà nước chịu trách nhiệm trước người thành lập công ty nhà nước, trước người bổ nhiệm và trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty nhà nước.

3. Tổng giám đốc hoặc giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lệ của các số liệu báo cáo tài chính và các báo cáo khác của doanh nghiệp.

Điều 5. Kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp

1. Báo cáo tài chính hàng năm của các tổng công ty nhà nước, các công ty nhà nước độc lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải bắt buộc phải được doanh nghiệp

kiểm toán (là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ) thực hiện kiểm toán.

2. Các tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm thuê doanh nghiệp kiểm toán để thực hiện công việc kiểm toán báo cáo tài chính năm theo quy định hiện hành của Nhà nước. Công tác kiểm toán phải được thực hiện xong trước tháng 5 của năm sau kế tiếp.

Chương II

GIÁM SÁT DOANH NGHIỆP

Điều 6. Doanh nghiệp tự giám sát

1. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm tự giám sát hoạt động của doanh nghiệp. Nội dung tự giám sát theo quy định tại Điều 5 Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 271/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ và theo quy định tại khoản a, tiết 3.2, điểm 3 Thông tư số 42/2004/TT-BTC ngày 20/5/2004 của Bộ Tài chính.

2. Người lao động trong doanh nghiệp có trách nhiệm tự giám sát hoạt động của doanh nghiệp theo các nội dung quy định tại Quyết định số 271/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ và theo quy định tại khoản b, tiết 3.2, điểm 3 Thông tư số 42/2004/TT-BTC ngày 20/5/2004 của Bộ Tài chính.

Điều 7. Phân công, phân cấp trong việc thực hiện giám sát doanh nghiệp với tư cách là chủ sở hữu

1. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm:

a) Giám sát theo nội dung quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 Chương I Quy chế này đối với tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải;

b) Giám sát theo nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 2 Chương I Quy chế này đối với công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên do Bộ Giao thông vận tải làm đại diện chủ sở hữu.

2. Hội đồng quản trị các tổng công ty nhà nước, công ty mẹ chịu trách nhiệm:

a) Giám sát theo nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 2 Chương I Quy chế này đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, công ty nhà nước hạch toán độc lập thuộc tổng công ty, công ty mẹ.

b) Đối với công ty cổ phần nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước có hai thành viên trở lên, công ty có cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Nhà nước mà tổng công ty, công ty mẹ đầu tư, góp vốn thì Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ và các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn khác căn cứ vào Điều lệ doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban

hành kèm theo Quyết định số 271/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ để giám sát doanh nghiệp.

3. Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải:

Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm giám sát theo nội dung quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 Chương I Quy chế này đối với các công ty nhà nước độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên trực thuộc.

4. Công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên và các thành viên góp vốn khác của doanh nghiệp:

Đối với các công ty cổ phần nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước có hai thành viên trở lên, công ty có cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Nhà nước còn lại thì công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên có cổ phần hoặc vốn góp và cổ đông hoặc các thành viên góp vốn khác căn cứ vào Điều lệ doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 271/2003/QĐ-TTg ngày 31/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ để giám sát doanh nghiệp.

Điều 8. Quy trình giám sát doanh nghiệp với tư cách là chủ sở hữu do Bộ Giao thông vận tải trực tiếp thực hiện:

1. Đối với giám sát gián tiếp:

Bộ Giao thông vận tải thực hiện giám sát các tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải theo quy trình sau:

a) Bước 1: Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp tiến hành lập và nộp Bộ Giao thông vận tải các báo cáo, tài liệu theo quy định tại Chương IV Quy chế này.

b) Bước 2: Hàng năm căn cứ kết quả giám sát của Bộ Tài chính, kết quả giám sát của Hội đồng quản trị các tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, các báo cáo của doanh nghiệp gửi Bộ Giao thông vận tải và kết quả kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán, tổ Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải được thành lập theo Quyết định số 2050/QĐ-BGTVT ngày 08/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là tổ Giám sát) phối hợp với các Vụ tham mưu của Bộ Giao thông vận tải tiến hành phân tích, đánh giá toàn diện hoạt động kinh doanh, công tác quản lý doanh nghiệp và người quản lý điều hành doanh nghiệp đối với tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập; đồng thời đề xuất các biện pháp khắc phục những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

2. Đối với giám sát trực tiếp:

Thực hiện theo các quy định hiện hành

về công tác kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 61/1998/NĐ-CP ngày 15/8/1998 của Chính phủ.

Chương III

XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Điều 9. Phân công, phân cấp trong việc thực hiện xếp loại doanh nghiệp

1. Bộ Giao thông vận tải: Hàng năm Bộ Giao thông vận tải công bố, xếp loại cho các doanh nghiệp sau:

- a) Tổng công ty nhà nước;
- b) Công ty nhà nước độc lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải;
- c) Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên do Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập hoặc được Chính phủ ủy quyền phân cấp là đại diện chủ sở hữu;
- d) Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước được chuyển đổi từ các công ty nhà nước độc lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

2. Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm thẩm định và công bố xếp loại cho các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc, bao gồm:

- a) Công ty nhà nước độc lập;
- b) Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên;

c) Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước được chuyển đổi từ các công ty nhà nước độc lập trực thuộc các Cục, đơn vị sự nghiệp.

3. Hội đồng quản trị các tổng công ty nhà nước, công ty mẹ thẩm định và công bố xếp loại cho các doanh nghiệp thành viên, công ty con, bao gồm:

- a) Công ty nhà nước hạch toán độc lập;
- b) Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên;
- c) Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của tổng công ty, công ty mẹ;
- d) Cơ quan tổng công ty, công ty mẹ và các đơn vị hạch toán phụ thuộc tổng công ty, công ty mẹ.

4. Việc xếp loại tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty mẹ được công bố sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính; đối với công ty cổ phần hoặc có vốn góp chi phối của công ty nhà nước được công bố sau khi có kiến của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Hồ sơ trình Bộ Giao thông vận tải về xếp loại doanh nghiệp

1. Công văn đề nghị xếp loại của doanh nghiệp;
2. Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp (đối với tổng công ty và công ty mẹ thì bao gồm cả báo cáo tài chính của toàn tổng công ty, công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty thành viên, công ty con) đã được kiểm toán, kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán;

3. Báo cáo tự xếp loại của doanh nghiệp;

4. Ngoài các hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, đối với việc xếp loại tổng công ty nhà nước, công ty mẹ hồ sơ còn phải có:

a) Quyết định của Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ công bố xếp loại doanh nghiệp cho các doanh nghiệp thành viên, công ty con, cơ quan tổng công ty, công ty mẹ và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

b) Báo cáo giám sát của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ đối với các doanh nghiệp thành viên, công ty con.

Điều 11. Quy trình xếp loại doanh nghiệp do Bộ Giao thông vận tải thực hiện:

Bộ Giao thông vận tải thực hiện xếp loại cho các doanh nghiệp nêu tại khoản 1 Điều 9 Chương III Quy chế này theo quy trình sau:

1. Bước 1: Các doanh nghiệp tự xếp loại và báo cáo kết quả về Bộ Giao thông vận tải theo quy định sau:

a) Trên cơ sở số liệu kiểm toán, số liệu báo cáo của các doanh nghiệp, bảng tự xếp loại của doanh nghiệp và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 42/2004/TT-BTC ngày 20/5/2004, các tổng công ty nhà nước, công ty mẹ tiến hành thẩm định và xếp loại doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp thành viên, công ty con, đồng thời tự xếp loại đối với toàn tổng công ty, công ty mẹ và báo cáo kết quả về

Bộ Giao thông vận tải chậm nhất vào tháng 4 của năm sau kế tiếp.

b) Trên cơ sở số liệu kiểm toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 42/2004/TT-BTC ngày 20/5/2004, các công ty nhà nước độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên do Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập hoặc được Chính phủ ủy quyền phân cấp là đại diện chủ sở hữu, công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước được chuyển đổi từ các doanh nghiệp độc lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải tiến hành tự xếp loại và báo cáo kết quả về Bộ Giao thông vận tải chậm nhất vào tháng 4 của năm sau kế tiếp.

2. Bước 2: Trên cơ sở các hồ sơ quy định tại Điều 10 và báo cáo của các đơn vị nêu tại khoản 1 Điều này, Tổ Giám sát tổng hợp và dự kiến xếp loại cho các doanh nghiệp để báo cáo Bộ trưởng, đồng thời tham mưu văn bản để Bộ trưởng ký gửi Bộ Tài chính (đối với Tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập), gửi Đại hội đồng cổ đông (đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước được chuyển đổi từ các công ty Nhà nước độc lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải) tham gia ý kiến.

3. Bước 3: Sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Bộ Tài chính, ý kiến tham gia của Đại hội đồng cổ đông, Tổ Giám sát tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố xếp loại cho các doanh nghiệp.

*Chương IV***CHẾ ĐỘ BÁO CÁO****Điều 12.** Báo cáo lần đầu vào đầu năm

Chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 hàng năm các tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, công ty nhà nước độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên do Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập hoặc được Chính phủ ủy quyền phân cấp là đại diện chủ sở hữu, công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước được chuyển đổi từ các công ty nhà nước độc lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm gửi Bộ Giao thông vận tải các hồ sơ tài liệu, báo cáo như sau:

1. Mô hình tổ chức, quản lý và cơ cấu tổ chức của tổng công ty, công ty mẹ, doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ biểu số 1 kèm theo;

2. Điều lệ hoạt động, quy chế tài chính của tổng công ty, công ty mẹ (bao gồm tất cả các doanh nghiệp thành viên, công ty con), doanh nghiệp;

3. Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền về:

a) Mục tiêu, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm kế hoạch của tổng công ty, công ty mẹ (bao gồm cả kế hoạch của tất cả các doanh nghiệp thành viên, công ty con), doanh nghiệp;

b) Mục tiêu, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn của tổng công ty, công ty mẹ (bao gồm cả kế hoạch của

tất cả các doanh nghiệp thành viên, công ty con), doanh nghiệp.

Điều 13. Báo cáo hàng quý

1. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý các tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, công ty nhà nước độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên do Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập hoặc được Chính phủ ủy quyền phân cấp là đại diện chủ sở hữu, công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước được chuyển đổi từ các công ty nhà nước độc lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm gửi Bộ Giao thông vận tải:

a) Bản sao các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu (đại diện chủ sở hữu) của Hội đồng quản trị áp dụng đối với doanh nghiệp trong quý và báo cáo về kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu (đại diện chủ sở hữu), của Hội đồng quản trị trong quý trước.

b) Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý và tình hình tài chính theo mẫu tại Phụ biểu số 02 kèm theo.

c) Báo cáo tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định trong quý (kể cả các dự án đầu tư của các đơn vị trực thuộc), theo mẫu tại Phụ biểu số 05 kèm theo.

d) Báo cáo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

e) Báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng quản trị tổng công ty, công ty mẹ

đối với các doanh nghiệp thành viên, công ty con.

2. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Giao thông vận tải (có doanh nghiệp trực thuộc) có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả giám sát trong quý của cơ quan, đơn vị mình đối với các doanh nghiệp trực thuộc theo sự phân công, phân cấp nêu tại khoản 3 Điều 7 Chương II Quy chế này.

Điều 14. Báo cáo năm

1. Báo cáo của doanh nghiệp:

Chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm sau (riêng báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán về báo cáo tài chính thì thời hạn chậm nhất vào tháng 5 năm sau) các tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, công ty nhà nước độc lập, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên do Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập hoặc được Chính phủ ủy quyền phân cấp là đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm gửi Bộ Giao thông vận tải các báo cáo sau:

a) Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu, chiến lược kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn; kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, của Hội đồng quản trị trong năm. Báo cáo cần phân tích và nêu rõ những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và kiến nghị biện pháp khắc phục.

b) Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính theo mẫu tại Phụ biểu số 02 kèm theo.

c) Báo cáo tài chính (mẫu báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính), Báo cáo kiểm toán do doanh nghiệp kiểm toán thực hiện và phát hành về Báo cáo tài chính năm của tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập.

d) Báo cáo tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định trong năm (kể cả các dự án đầu tư của các đơn vị trực thuộc), theo mẫu tại Phụ biểu số 05 kèm theo.

e) Báo cáo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khác theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

f) Báo cáo tình hình xếp loại của tổng công ty đối với các đơn vị thành viên theo mẫu tại Phụ biểu số 03 và báo cáo tự xếp loại của từng doanh nghiệp trực thuộc theo mẫu tại Phụ biểu số 04 kèm theo.

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị các doanh nghiệp:

a) Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ báo kết quả giám sát của mình đối với các doanh nghiệp thành viên, công ty con và gửi về Bộ Giao thông vận tải chậm nhất vào 31 tháng 3 năm sau kế tiếp. Trong đó có phân tích đánh giá toàn diện hoạt động kinh doanh, công tác quản lý doanh nghiệp và người điều hành, quản lý doanh nghiệp đối với từng đơn vị thành viên, công ty con và nêu rõ những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và kiến nghị biện pháp khắc phục.

b) Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, công ty nhà nước độc

01233357
www.PhuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6884
LawSoft

lập tiến hành đánh giá về kết quả điều hành quản lý tổng công ty, công ty của Tổng giám đốc (Giám đốc) và gửi báo cáo kết quả về Bộ Giao thông vận tải chậm nhất vào 31 tháng 3 năm sau kế tiếp. Trong báo cáo phải nêu rõ những ưu điểm, tồn tại, khó khăn và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

3. Báo cáo của các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành và các đơn vị sự nghiệp:

a) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm sau kế tiếp các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Giao thông vận tải (có doanh nghiệp trực thuộc) có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải:

- Kết quả giám sát cả năm của cơ quan, đơn vị mình đối với các doanh nghiệp trực thuộc theo sự phân công, phân cấp nêu tại khoản 3 Điều 7 Chương II Quy chế này.

- Tiến hành phân tích, đánh giá toàn diện hoạt động kinh doanh, công tác quản lý doanh nghiệp và người điều hành, quản lý doanh nghiệp, nêu rõ những khó khăn, tồn tại và kiến nghị biện pháp khắc phục đối với từng doanh nghiệp trực thuộc.

b) Chậm nhất vào tháng 4 năm sau Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Giao thông vận tải (có doanh nghiệp trực thuộc) có trách nhiệm báo cáo kết quả thẩm định và xếp loại doanh nghiệp theo sự phân công, phân cấp quy định tại khoản 2 Điều 9 Chương III Quy chế này.

Mẫu báo cáo theo tại Phụ biểu số 03 kèm theo.

Điều 15. Nơi nhận báo cáo

Tất cả các tài liệu, báo cáo nêu tại các Điều 12, Điều 13, Điều 14 Chương IV Quy chế này, các đơn vị có trách nhiệm gửi về Tổ Giám sát (qua Vụ Tài chính) để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Điều 16. Cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp

Bộ Giao thông vận tải sẽ ban hành hệ thống các chỉ tiêu về doanh nghiệp (có Quyết định riêng) làm cơ sở cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp phục vụ cho công tác giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp của Bộ Giao thông vận tải. Trên cơ sở hệ thống các chỉ tiêu về doanh nghiệp do Bộ Giao thông vận tải ban hành, các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ và định kỳ báo cáo về Bộ Giao thông vận tải.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Tổ Giám sát có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp việc thực hiện Quy chế này để báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng các đơn

vị sự nghiệp, Hội đồng quản trị các tổng công ty nhà nước, công ty mẹ, công ty nhà nước độc lập có Hội đồng quản trị thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Tổ chức hướng dẫn và quán triệt các quy định của Nhà nước và của Bộ Giao thông vận tải về công tác giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước đến từng đơn vị thành viên do mình quản lý.

b) Tổ chức bộ máy, bố trí đủ nhân lực để thực hiện tốt công tác giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thuộc quyền quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước do mình thực hiện.

3. Trung tâm Tin học xây dựng hệ thống phần mềm tin học và triển khai áp dụng thống nhất từ Bộ Giao thông vận tải đến các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp để thực hiện công tác tiếp nhận các báo cáo về cơ sở dữ liệu từ các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp về Bộ Giao thông vận tải nhanh chóng, an toàn và bí mật.

4. Các Vụ tham mưu của Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp và cung cấp cho Tổ Giám sát các thông tin, tài liệu có liên quan đến doanh nghiệp mà do các Vụ đã tham mưu trình Bộ Giao thông vận tải quyết định.

5. Cục trưởng các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch hội đồng quản trị các doanh nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải căn cứ các quy định của Nhà nước và sự phân công phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tiến hành xây dựng và ban hành quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trực thuộc đảm bảo hiệu quả.

6. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện những điểm chưa hợp lý, cần bổ sung, sửa đổi, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo và đề xuất về Bộ Giao thông vận tải để Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG BỘ
GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đào Đình Bình

BÁO CÁO VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

(ban hành kèm theo Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước tại Quyết định số 24/2004/QĐ-BGTVT ngày 05/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

- Tên Tổng công ty (Công ty):
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại của Tổng giám đốc (Giám đốc): Cố định,
 Di động ; Fax:

**PHỤ BIỂU
SỐ 01**

Số thứ tự	Tên doanh nghiệp, đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề, nhiệm vụ chính	Điện thoại Giám đốc	Số đơn vị trực thuộc	Vốn nhà nước	Lao động hiện có
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Các công ty hạch toán độc lập						
1	Công ty ...						
2	...						
II	Các công ty, Xí nghiệp... hạch toán phụ thuộc						
1	Công ty						
2	Xí nghiệp						
3	...						
III	Các công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên						
1	Công ty ...						
2	...						
IV	Các công ty cổ phần có vốn góp của Tổng công ty (Công ty)						
1	Công ty ...						
2	...						

09638051

Số thứ tự	Tên doanh nghiệp, đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề, nhiệm vụ chính	Điện thoại Giám đốc	Số đơn vị trực thuộc	Vốn nhà nước	Lao động hiện có
1	2	3	4	5	6	7	8
V	Các công ty liên doanh						
1	Công ty ...						
2	...						
VI	Các công ty khác có vốn góp, đầu tư của Tổng công ty (Công ty)						
1	Công ty ...						
2	...						
VII	Các đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả các Ban quản lý dự án)						
1	Trường ...						
2	Viện ...						
3	Ban quản lý dự án ...						
4	...						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Tổng giám đốc (Giám đốc)
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Cột vốn nhà nước, đơn vị báo cáo như sau: Đối với Công ty nhà nước, Công ty TNHH 1 thành viên lấy theo nguồn vốn kinh doanh (mã số 410 Bảng cân đối kế toán); Đối với Công ty khác có vốn góp của Tổng công ty (Công ty) lấy theo giá trị vốn của Tổng công ty (Công ty) đầu tư, góp vốn vào các Công ty đó; Đối với các đơn vị sự nghiệp thì không cần báo cáo Chỉ tiêu này.

2. Cột lao động lấy theo số lao động có hợp đồng lao động với thời hạn từ 1 năm trở lên hiện đang có mặt.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

(ban hành kèm theo Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước tại Quyết định số 24/2004/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

**PHỤ BIỂU
SỐ 02**

Tên Tổng công ty (Công ty):

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện quý	Lũy kế từ đầu năm	So sánh		Ghi chú
						SS với K.H năm	SS cùng kỳ năm trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Các chỉ tiêu về sản lượng							
1	Giá trị tổng sản lượng	Triệu đồng						
2	Chỉ tiêu hiện vật							
II	Chỉ tiêu về lao động tiền lương							
1	Số lao động hiện có tại thời điểm báo cáo	Người	X					
2	Số lao động tăng trong kỳ	Người						
3	Số lao động giảm trong kỳ	Người						
4	Thu nhập bình quân đầu người/tháng	Triệu đồng						
5	Tổng quỹ lương thực hiện trong kỳ	Triệu đồng						
III	Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh							
1	Tổng doanh thu (không thuế VAT)	Triệu đồng						
2	Tổng chi phí	Triệu đồng						
3	Lãi thực hiện (trước thuế)	Triệu đồng						
4	Lỗ thực hiện	Triệu đồng						
5	Lỗ lũy kế đến thời điểm báo cáo	Triệu đồng						

09638051

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện quý	Lũy kế từ đầu năm	So sánh		Ghi chú
						SS với K.H năm	SS cùng kỳ năm trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Số doanh nghiệp lãi	Doanh nghiệp	X					
7	Số doanh nghiệp hòa vốn	Doanh nghiệp	X					
8	Số doanh nghiệp lỗ	Doanh nghiệp	X					
IV	Chỉ tiêu về vốn và công nợ							
1	Tổng vốn nhà nước	Triệu đồng	*					
2	Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	*					
3	Dư nợ vay Ngân hàng	Triệu đồng	*					
4	Số tiền vay ngân hàng trong kỳ	Triệu đồng						
5	Số tiền trả ngân hàng trong kỳ	Triệu đồng						
6	Tổng nợ phải trả quá hạn	Triệu đồng	*					
7	Số phát sinh phải nộp ngân sách trong kỳ	Triệu đồng						
V	Chỉ tiêu tài sản							
1	Giá trị tài sản cố định tăng trong kỳ	Triệu đồng						
2	Tổng nợ phải thu	Triệu đồng	*					
3	Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	*					

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Tổng giám đốc (Giám đốc)
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu về hiện vật (2/I) đơn vị tự đưa ra các chỉ tiêu chủ yếu của đơn vị mình để báo cáo Bộ GTVT (ví dụ như khối vận tải là TKm, KHKm, v.v...)

- Cột kế hoạch năm:

+ Chỉ tiêu nào có dấu (X) thì không cần báo cáo

+ Chỉ tiêu nào có dấu (*) thì lấy số dư đầu kỳ trên các báo cáo tài chính của đơn vị.

09638051

**BÁO CÁO XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP
CỦA TỔNG CÔNG TY, CÁC CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**

(ban hành kèm theo Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước tại Quyết định số 24/2004/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Tên Tổng công ty (Cục, đơn vị sự nghiệp):

**PHỤ BIỂU
SỐ 03**

Số thứ tự	Tên đơn vị trực thuộc	Doanh thu		Doanh nghiệp tự xếp loại	Thẩm định xếp loại của Tổng công ty, Cục, đơn vị sự nghiệp
		Doanh thu	Tỷ lệ % trên tổng doanh thu		
1	2	3	4	5	6
A	Đối với các đơn vị trực thuộc				
1	Công ty A				
2	Công ty B				
3	...				
n	Cơ quan Tổng công ty và khối đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty				
	Tổng cộng doanh thu của Tổng công ty				
B	Tổng công ty tự xếp loại:				

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Lãnh đạo Tổng công ty (Cục, đơn vị sự nghiệp)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đối với các Cục, đơn vị sự nghiệp thì không báo cáo chỉ tiêu: Tổng cộng doanh thu của Tổng công ty và chỉ tiêu Tổng công ty tự xếp loại.

BÁO CÁO XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP

(ban hành kèm theo Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước tại Quyết định số 24/2004/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Tên Doanh nghiệp:

**PHỤ BIỂU
SỐ 04**

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Doanh nghiệp tự xếp loại				Thẩm định của cơ quan cấp trên
		Năm trước	Năm nay	Tỷ lệ (%) (năm nay/ năm trước)	Xếp loại	
1	Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác hoặc sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ (Triệu đồng)					
2	Chỉ tiêu 2: - Lợi nhuận thực hiện (Triệu đồng) - Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn nhà nước (%)					
3	Chỉ tiêu 3: - Nợ phải trả quá hạn (Triệu đồng) - Khả năng thanh toán nợ đến hạn					
4	Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành					
5	Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích do nhà nước giao (sản lượng: tấn, Kg,...)					
Doanh nghiệp xếp loại						

Xác nhận của cơ quan cấp trên
(Ký tên, đóng dấu)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẮM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(ban hành kèm theo Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp
nhà nước tại Quyết định số 24/2004/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm
2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

**PHỤ BIỂU
SỐ 05**

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Tên dự án đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ	Tên chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Công suất thiết kế	Thời hạn khởi công/hoàn thành	Giá trị thực hiện đầu tư		Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn vay (nếu sử dụng vốn vay)				Tình hình trả nợ vốn vay			
						Thực hiện trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Đã giải ngân trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Thời hạn vay (năm)	Lãi suất (%/năm)	Thực tế vay trong kỳ	Lũy kế đã vay đến kỳ báo cáo	Số tiền đã trả trong kỳ	Lũy kế đã trả đến kỳ báo cáo	Dư nợ đến kỳ báo cáo	Nợ quá hạn chưa trả được
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Dự án ...																
2	Dự án ...																
3	...																

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Cộng																

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Tổng giám đốc (Giám đốc)
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú: - Các chỉ tiêu từ cột 11 đến cột 18 chỉ ghi khi dự án có sử dụng nguồn vốn vay (kể cả vay ngắn hạn)
- Báo cáo tất cả các dự án đã và đang đầu tư của đơn vị (kể cả các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, BOO,...).